



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THANG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY



Trụ sở chính: Sân KTTM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tel: (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
KENANGA VIỆT NAM**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Được soát xét bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	01 – 03
2	Báo cáo kết quả công tác xoát xét	04 – 05
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 – 07
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08 – 09
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
	- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014 của Công ty.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam; Công ty được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03/12/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp các Giấy phép điều chỉnh sau:

Số Giấy phép điều chỉnh	Ngày cấp	Thay đổi chính
146/UBCK-GP	Ngày 07/08/2008	Thay đổi: Người đại diện theo Pháp luật; Cơ cấu vốn cổ đông sáng lập
164/UBCK-GP	Ngày 13/11/2008	Thay đổi tên Công ty
260/UBCK-GP	Ngày 11/9/2009	Thay đổi Vốn điều lệ
377/GPĐC-UBCK	Ngày 23/12/2010	Thay đổi người đại diện theo Pháp luật
73/GPĐC-UBCK	Ngày 13/2/2012	Thay đổi người đại diện theo Pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở chính: 2D Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bầu nhiệm
Ông Cao Văn Sơn	Chủ tịch	Bầu ngày 01/05/2011
Bà Cao Khánh Phương	Ủy viên	Bầu ngày 16/04/2012
Ông Kho Yaw Huat	Ủy viên	Bầu ngày 16/04/2012
Ông Wee Kim Hong	Ủy viên	Bầu ngày 16/04/2012
Ông Chay Wai Leong	Ủy viên	Bầu ngày 07/07/2011
Ông Nguyễn Anh Thắng	Ủy viên	Bầu ngày 09/09/2013
Ông Trần Đức Vũ	Ủy viên	Bầu ngày 09/09/2013

Các thành viên Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/4/2012
Bà Doãn Thị Thịnh	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 16/4/2012
Ông Terrence Tan Kian Meng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/4/2012

Các thành viên Ban Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Trần Việt Thắng	Phụ trách kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 04/10/2012

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Theo Ủy quyền số 21/UQ-KVS ngày 05/12/2012, ông Cao Văn Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền cho ông Trần Việt Thắng – Phụ trách kinh doanh là người ký các báo cáo mà Công ty có nghĩa vụ báo cáo, thực hiện công bố thông tin.

- Công ty có thay đổi nhân sự ở một số chức vụ như sau:

+ Bà Hoàng Phương Thảo giữ chức Quyền Kế toán trưởng thay cho bà Đặng Thị Ngọc Anh từ ngày 01/06/2014.

- Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty đã gửi hồ sơ xin chấm dứt tư cách là thành viên tự nguyện tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội và đang trong quá trình xem xét giải quyết của 2 Sở, do đó Công ty không còn các phát sinh các hoạt động kinh doanh và giao dịch với khách hàng ngoài hoạt động thu hồi và thanh toán công nợ với khách hàng, cán bộ công nhân viên và các bên liên quan. Năm 2014 thị trường chứng khoán đã có những dấu hiệu phục hồi và Hội đồng quản trị Công ty định hướng sẽ vẫn tiếp tục hoạt động và sẽ tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước cùng hợp tác để tồn tại và phát triển trong tương lai.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K(trước là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K) là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Ban Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các báo cáo tài chính, sổ sách và chứng từ kế toán cho các Kiểm toán viên.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty trong năm kỳ.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014,



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tống, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số: 134A.1/2014/BCKT - TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 08 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 được trình bày từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Tháng 12/2013, Công ty đã thực hiện nộp hồ sơ xin chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nhưng toàn bộ tài sản cố định liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty vẫn đang được tính và trích khấu hao trong kỳ với giá trị: 1.315.032.301 VND.

- Theo Báo cáo của Ban Giám đốc, Công ty đang thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội. Sự kiện này ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục cũng như chưa phản ánh những ảnh hưởng của việc không thể hoạt động trong tương lai.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì những lý do nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



TU QUYNH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0313-2013-045-1

LƯU ANH TUẤN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1026-2013-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.476.694.319	99.553.278.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	37.710.356.840	38.764.038.870
1. Tiền	111		710.356.840	38.764.038.870
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	49.793.000.000	58.435.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		57.893.000.000	62.035.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8.100.000.000)	(3.600.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	1.482.446.475	1.827.538.595
1. Phải thu của khách hàng	131		20.220.500	523.260.500
5. Các khoản phải thu khác	138		11.476.226.703	11.318.278.823
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.014.000.728)	(10.014.000.728)
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		490.891.004	526.701.295
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		287.312.292	281.122.583
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		146.578.712	146.578.712
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	57.000.000	99.000.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.582.140.241	7.501.164.739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		5.476.985.333	6.792.017.634
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2.896.958.369	3.504.122.323
- Nguyên giá	222		10.699.188.976	10.699.188.976
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.802.230.607)	(7.195.066.653)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	2.580.026.964	3.287.895.311
- Nguyên giá	228		7.684.301.890	7.684.301.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.104.274.926)	(4.396.406.579)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
4. Đầu tư dài hạn khác	258		200.000.000	200.000.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(200.000.000)	(200.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.105.154.908	709.147.105
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.038.471.382	142.463.579
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		318.585.526	318.585.526
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.08	2.748.098.000	248.098.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		99.058.834.560	107.054.443.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.276.184.977	1.695.700.614
I. Nợ ngắn hạn	310		1.276.184.977	1.695.700.614
2. Phải trả người bán	312		114.620.500	114.620.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	33.886.812	28.188.310
5. Phải trả người lao động	315		20.085.247	115.585.247
6. Chi phí phải trả	316	V.10	102.494.112	457.494.112
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	523.680.115	523.654.018
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		302.327.867	452.700.018
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		179.090.324	3.458.409
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.782.649.583	105.358.742.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	97.782.649.583	105.358.742.885
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(37.217.350.417)	(29.641.257.115)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		99.058.834.560	107.054.443.499

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		1.614.260.000	3.256.770.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		1.614.260.000	3.227.200.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		1.614.260.000	3.227.200.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		0	29.570.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		0	29.570.000

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Người lập

Quyền Kế toán trưởng

Phụ trách kinh doanh

Hoàng Phương Thảo

HOÀNG PHƯƠNG THẢO

TRẦN VIỆT THẮNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.13	872.807.852	944.792.576	1.098.349.756	3.452.783.255
Trong đó:						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		50.000	3.013.301	405.254	4.531.118
- Doanh thu khác	01.9		872.757.852	941.779.275	1.097.944.502	3.448.252.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			0	0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		872.807.852	944.792.576	1.098.349.756	3.452.783.255
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.14	488.196.123	1.096.358.983	1.034.468.642	1.898.598.239
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		384.611.729	(151.566.407)	63.881.114	1.554.185.016
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.944.900.294	1.486.675.994	7.639.974.416	2.937.083.797
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VI.15	(5.560.288.565)	(1.638.242.401)	(7.576.093.302)	(1.382.898.781)
8. Thu nhập khác	31	VI.16		1.500.000	0	1.500.000
9. Chi phí khác	32	VI.17		10.859.174	0	114.859.174
10. Lợi nhuận khác	40		0	(9.359.174)	0	(113.359.174)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.560.288.565)	(1.647.601.575)	(7.576.093.302)	(1.496.257.955)
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51				0	0
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52				0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.560.288.565)	(1.647.601.575)	(7.576.093.302)	(1.496.257.955)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(412)	(122)	(561)	(111)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

Người lập



Hoàng Phương Thảo

Quyền Kế toán trưởng



HOÀNG PHƯƠNG THẢO

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Phụ trách kinh doanh



TRẦN VIỆT THẮNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘQuý 2 năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.576.093.302)	(1.496.257.955)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.315.032.301	1.161.696.057
- Các khoản dự phòng	03		4.500.000.000	475.800.547
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(110.040.000)	(1.918.790.000)
- Lãi, lỗ từ thanh lý tài sản cố định	07		0	(9.359.174)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.871.101.001)	(1.786.910.525)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(498.212.382)	(464.246.796)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(419.515.637)	72.944.683
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(902.197.512)	127.917.574
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.500.000.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.191.026.532)	(2.050.295.064)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	(19.980.826)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	1.500.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.142.000.000	1.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		995.344.502	1.918.790.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.137.344.502	3.400.309.174
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.053.682.030)	1.350.014.110
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38.764.038.870	40.283.809.596
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		37.710.356.840	41.633.823.706

Người lập

Hoàng Phương Thảo

Quyền Kế toán trưởng

HOÀNG PHƯƠNG THẢO

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Phụ trách kinh doanh



TRẦN VIỆT THẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

*Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu		Số tăng/ giảm				Số dư cuối	
		Năm trước		Năm trước		Kỳ này		Năm trước	Kỳ này
		1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B			3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(18.684.199.140)	(29.641.257.115)	0	10.957.057.975	0	7.576.093.302	(29.641.257.115)	(37.217.350.417)
Cộng		116.315.800.860	105.358.742.885	0	10.957.057.975	0	7.576.093.302	105.358.742.885	97.782.649.583

Người lập

Quyền Kế toán trưởng

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Phụ trách kinh doanh



Hoàng Phương Thảo

HOÀNG PHƯƠNG THẢO

TRẦN VIỆT THẮNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 2 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam; Công ty được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03/12/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp các Giấy phép điều chỉnh sau:

Số Giấy phép điều chỉnh	Ngày cấp	Thay đổi chính
146/UBCK-GP	Ngày 07/08/2008	Thay đổi: Người đại diện theo Pháp luật; Cơ cấu vốn cổ đông sáng lập
164/UBCK-GP	Ngày 13/11/2008	Thay đổi tên Công ty
260/UBCK-GP	Ngày 11/9/2009	Thay đổi Vốn điều lệ
377/GPĐC-UBCK	Ngày 23/12/2010	Thay đổi người đại diện theo Pháp luật
73/GPĐC-UBCK	Ngày 13/2/2012	Thay đổi người đại diện theo Pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở chính: 2D Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	3 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5 năm
- Phần mềm máy tính	4 - 5 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	5 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí đào tạo
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo

nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí kiểm toán và các chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi ủy thác đầu tư, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tiền mặt	35.236.380	155.955.342
- Tiền gửi ngân hàng	673.857.677	38.467.370.890
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	207.454.743	309.491.595
+ Tiền gửi của Công ty	466.402.934	38.041.853.675
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.262.783	140.712.638
- Các khoản tương đương tiền	37.000.000.000	0
+ Tiền gửi có kỳ hạn	37.000.000.000	
Cộng	37.710.356.840	38.764.038.870

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	Giá trị KLGD thực hiện trong kỳ
a. Cửa công ty chứng khoán	0	0
- Cổ phiếu	0	0
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
b. Cửa nhà đầu tư	2.580	68.418.000
- Cổ phiếu	2.580	68.418.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
Tổng cộng	2.580	68.418.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

*Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014*

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Nội dung	Số đầu năm			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		
	Giá trị đầu tư	Số quá hạn	Số dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị đầu tư	Số quá hạn	Số dự phòng
<i>Hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>								
- Công ty TNHH Ngọc Linh (1)	19.000.000.000	19.000.000.000	0	0	4.072.000.000	14.928.000.000	0	0
<i>Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư</i>								
- Công ty Bất động sản Đông Á (2)	22.000.000.000	22.000.000.000	0	0	0	22.000.000.000	0	0
- Công ty CP Công nghiệp TM & Dịch vụ Y tế Phúc Thái (3)	7.000.000.000	7.000.000.000	0	0	0	7.000.000.000	7.000.000.000	2.100.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden - TNC (4)	9.500.000.000	2.850.000.000	2.850.000.000	0	0	9.500.000.000	9.500.000.000	4.750.000.000
- Ông Khương Tuấn Sơn (5)	1.435.000.000	0	0	0	10.000.000	1.425.000.000	0	0
- Ông Phạm Quốc Nhật (6)	600.000.000	600.000.000	0	0	60.000.000	540.000.000	540.000.000	0
- Ông Trần Bình Minh (7)	2.500.000.000	2.500.000.000	750.000.000	0	0	2.500.000.000	2.500.000.000	1.250.000.000
Tổng cộng:	62.035.000.000	53.950.000.000	3.600.000.000	0	4.142.000.000	57.893.000.000	12.890.000.000	8.100.000.000

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2012/NL-KVS ngày 13/11/2012 với Công ty TNHH Ngọc Linh về việc hợp tác thực hiện "Dự án Xây dựng khu cây xanh kết hợp sân thể thao và công trình dịch vụ công cộng" có tính chất kinh doanh với các điều khoản chủ yếu:

- Tổng giá trị dự án: 22 tỷ đồng (Trong đó: Công ty góp 20 tỷ đồng)

- Thời hạn hợp tác kinh doanh: 3 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Phụ lục 2/PLHDTUVDT/KVS-NL ngày 12/09/2013 gia hạn hợp đồng đến ngày 25/12/2013. Phụ lục 01/PLHDTUVDT/KVS-NL/2014 ngày 22/06/2014 gia hạn hợp đồng đến ngày 25/09/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

- Điều khoản khác: Công ty có quyền rút toàn bộ số tiền đã góp vốn với công ty TNHH Ngọc Linh trong mọi trường hợp. Công ty TNHH Ngọc Linh thực hiện góp vốn bằng tiền mặt, quyền sử dụng đất và giá trị lợi thế Địa điểm Dự án. Khi kết thúc hợp đồng, nếu Công ty Ngọc Linh không hoàn trả toàn bộ khoản tiền góp vốn nêu trên thì Công ty sẽ có toàn quyền được quản lý sử dụng toàn bộ dự án và được quyền thụ hưởng toàn bộ các hoa lợi, lợi tức có được từ dự án; đồng thời, Công ty TNHH Ngọc Linh có nghĩa vụ làm các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để chuyển nhượng toàn bộ dự án cho Công ty.

- Trong kỳ công ty TNHH Ngọc Linh đã hoàn trả 4.072.000.000 đồng tiền đầu tư. Công ty đã ngừng dự thu lợi nhuận của Công ty TNHH Ngọc Linh từ ngày 09/02/2013.

(2) Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/HDTUVDT/KVS-ĐA/2011 ngày 20/12/2011 với Công ty Bất động sản Đông Á, về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng "Dự án Khu Resort - Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa". Các phụ lục: Phụ lục số 01/HĐTUVDT/KVS-ĐA/2012 ký ngày 16/10/2012, Phụ lục 02/PLHĐTUVDT/KVS-ĐA/2013 ngày 20/08/2013. Các điều khoản chủ yếu:

- Thời hạn đầu tư: 10 tháng, được gia hạn đến ngày 20/08/2013 (Theo phụ lục số 01/HĐTUVDT/KVS-ĐA/2012 ngày 01/10/2012) và tiếp tục được gia hạn đến 25/09/2014 (Theo Phụ lục 01/HĐTUVDT/KVS-ĐA/2014 ngày 04/6/2014)

- Lợi nhuận: 2%/tháng, 1,2%/tháng từ ngày 01/10/2012 (Theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02)

- Tài sản đảm bảo gồm: tài sản hình thành từ vốn vay và giấy chứng nhận quyền sử hữu và quyền sử dụng đất thửa số 1343, Thôn Châu An, Xã Quảng Châu, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa. Tại ngày 21/12/2011, Tổng Công ty Bất động sản Đông Á đã ủy quyền cho một nhân viên (hiện đã nghỉ việc trong năm 2013) của Công ty được toàn quyền chuyển nhượng, thế chấp toàn bộ căn nhà đất theo Quyền chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên trong trường hợp Công ty Bất động sản Đông Á không thực hiện đúng nghĩa vụ trong Hợp đồng Tạm ứng vốn Đầu tư số 01 ký ngày 20/12/2011 với thời hạn ủy quyền là 05 năm.

Theo Biên bản làm việc ngày 13/02/2014, hai bên đã thống nhất lộ trình thanh toán các khoản nợ nhưng đến thời điểm 30/06/2014, Công ty chưa nhận được khoản tiền nào từ Công ty Bất động sản Đông Á theo như Biên bản đã ký. Công ty đã ngừng dự thu lợi nhuận của Công ty Bất động sản Đông Á từ ngày 28/2/2013. Ngày 30/7/2014 Tổng Công ty Bất động sản Đông Á đã thanh toán 519.200.000 tiền lợi nhuận.

(3) Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 14/HĐTUVDT/KVS/TN/2012 ngày 27/08/2012 với Công ty CP Công nghiệp Thương Mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện "Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái tại Thái Nguyên". Các phụ lục: Phụ lục số 01/PLHĐTUVDT/KVS-PT/2013 ngày 27/02/2013, Phụ lục 02/PLHĐTUVDT/KVS-PT/2013 ngày 03/10/2013. Các điều khoản chủ yếu:

- Thời hạn đầu tư: 6 tháng, gia hạn đến ngày 27/9/2013 (Theo Phụ lục 01) và tiếp tục được gia hạn đến ngày 27/11/2013 (Theo Phụ lục 02)

- Lợi nhuận: 1,5%/tháng và là 1,2%/tháng từ ngày 27/2/2013 (Theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02)

- Tài sản đảm bảo gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa số 359, Phường Cải Đan, Thị xã Sông Công, Thái Nguyên. Tại ngày 23/05/2012, Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương Mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái đã ủy quyền cho một nhân viên (hiện đã nghỉ việc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

trong năm 2012) của Công ty được toàn quyền thay mặt và nhân danh Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương Mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái thực hiện những việc có liên quan đến quyền sử dụng thừa đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất nêu trên. Đến ngày 17/12/2012, nhân viên đã ủy quyền lại cho một nhân viên khác của Công ty được quyền thay mặt và nhân danh nhân viên đã nghỉ việc để toàn quyền quản lý, sử dụng đất theo Giấy chứng nhận nêu trên; liên hệ với các cấp Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện các thủ tục xin xây dựng cơ sở hạ tầng và tài sản gắn liền trên thửa đất theo Giấy chứng nhận đầu tư nêu trên; thế chấp tài sản gắn liền quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận nêu trên để thực hiện vay vốn, hoặc để đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn tại các tổ chức Ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Đến thời điểm 30/06/2014, thời hạn thu hồi hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư đã quá hạn hơn 7 tháng so với thời hạn đã gia hạn lại. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định và ngừng dự thu lãi của hợp đồng này từ ngày 01/04/2013.

(4) Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/PLHĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 26/07/2012 với Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC để nghiên cứu cơ hội đưa ra phương án đầu tư tốt nhất và bên A (Công ty TNHH Tư vấn và quản lý Fraden) thực hiện dự án. Các phụ lục: Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 30/09/2012. Các điều khoản chủ yếu:

- Thời hạn đầu tư: 2 tháng, được gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 30/01/2013 (Theo Phụ lục 01).

- Lợi nhuận: 1,5%/tháng. Theo , hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư này

- Tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 99 Mai Hắc Đế, Hà Nội. Tại ngày 15/01/2012, chủ sở hữu tài sản là Ông Nguyễn Tiến Hùng và Bà Lê Kim Dung ủy quyền cho một nhân viên của Công ty được toàn quyền thay mặt và nhân danh chủ sở hữu tài sản đảm bảo được quản lý căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên, được quyền quản lý và bảo quản, chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên, được dùng toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba vay vốn tại các tổ chức tín dụng phù hợp quy định của pháp luật với thời hạn ủy quyền là 05 năm. Hiện tại Công ty đang làm các thủ tục bán tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Đến ngày 30/06/2014, Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC chưa thanh toán phần lợi nhuận đến hạn. Công ty đã ngừng dự thu lãi của Công ty Fraden TNC từ ngày 28/02/2013 và đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 50% đối với khoản này.

(5) Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 02/HĐTUVĐT/KVS/2012 ngày 25/06/2012 với ông Khương Tuấn Sơn với: Mục đích là hoàn thiện nhà; Thời hạn: 6 tháng; Lợi nhuận: 1,8%/tháng; Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa số 54B Tổ dân phố Yên Phúc, Phường Yên Giang, Quận Hà Đông, Hà Nội (Tài sản đảm bảo hiện do một nhân viên (đã nghỉ việc trong năm 2013) của Công ty đứng tên chủ sở hữu. Công ty hiện đang thực hiện thủ tục giao bán tài sản và thu nợ cho Công ty). Các phụ lục: Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTUVĐT/2012: gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 25/03/2013; Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐTUVĐT/2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013: gia hạn đến ngày 25/11/2014 và điều chỉnh lợi nhuận xuống còn 1,2%/tháng. Trong kỳ, Công ty đã dự thu lãi phải thu của Hợp đồng này với số tiền: 102.600.000 VND

(6) Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 04/HĐTUVĐT/KVS-BM/2012 ngày 31/07/2012 với Phạm Quốc Nhật, với: Mục đích là kinh doanh; Thời hạn: 3 tháng; Lợi nhuận 1,5%/tháng; Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư là giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thừa số 337(1f) số 1 ngõ 13 phố Hồng Mai, tổ 42, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Tại ngày 26/07/2012, tài sản đảm bảo đã được ông Phạm Quốc Nhật ủy quyền cho một nhân viên (đã nghỉ việc trong năm 2013) của Công ty được toàn quyền thay mặt và nhân danh chủ sở hữu tài sản đảm bảo được quản lý căn nhà gắn liền với thửa đất nói trên, được quyền quản lý và bảo quản, chuyển nhượng Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất kể trên, được dùng toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba vay vốn tại các tổ chức tín dụng phù hợp quy định của pháp luật với thời hạn ủy quyền là 05 năm). Các Phụ lục: Phụ lục hợp đồng số 05/HĐTUVĐT/KVS-AN/2013, gia hạn thời hạn thanh toán gốc đến ngày 30/01/2014.

- Ngày 23/7/2014 Ông Phạm Quốc Nhật đã thanh toán toàn bộ số công nợ với Công ty

(7) Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 15/HĐTUVĐT/KVS/2012 ngày 19/10/2012 với ông Trần Bình Minh với: Mục đích là kinh doanh; Thời hạn: 2 tháng; Lợi nhuận: 1,5%/tháng; Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3B ngõ Phan Huy Chủ, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội (Tài sản đảm bảo này hiện do nhân viên của Công ty đứng tên chủ sở hữu. Công ty đang thực hiện các thủ tục giao bán tài sản và thu nợ). Các Phụ lục: Phụ lục số 01/PLHĐTUVĐT/KVS/2012, gia hạn thời hạn thanh toán gốc đến ngày 22/03/2013.

Đến ngày 30/06/2014, khách hàng chưa thanh toán số lợi nhuận đến hạn và quá thời hạn thanh toán hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư 15 tháng so với thời hạn đã gia hạn. Công ty đã ngừng dự thu lãi của khách hàng này từ ngày 17/03/2013 và đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi mức 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

03. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu năm				Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng
	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	Số phát sinh trong kỳ	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1. Phải thu của khách hàng	523.260.500	0	0	506.880.000	1.009.920.000	20.220.500	0	0	0	
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.318.278.823	10.909.304.174	10.014.000.728	802.712.595	644.764.715	11.476.226.703	11.135.293.685	10.293.704.174	10.014.000.728	
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	3.526.380.014	3.526.380.014	3.526.380.014	0	0	3.526.380.014	3.526.380.014	3.526.380.014	3.526.380.014	
- Phải thu Sở (Trung tâm) giao dịch chứng khoán	0	0	0	68.418.000	68.418.000	0	0	0	0	
- Phải thu hoạt động Margin	3.145.140.000	3.145.140.000	3.145.140.000	0	0	3.145.140.000	3.145.140.000	3.145.140.000	3.145.140.000	
+ Ứng trước tiền mua chứng khoán	1.695.588.413	1.695.588.413	1.695.588.413	0	0	1.695.588.413	1.695.588.413	1.695.588.413	1.695.588.413	
+ Phải thu giao dịch sửa lỗi	1.449.551.587	1.449.551.587	1.449.551.587	0	0	1.449.551.587	1.449.551.587	1.449.551.587	1.449.551.587	
- Lãi dự thu	1.011.815.301	828.400.000	248.520.000	204.157.377	284.972.678	931.000.000	931.000.000	248.520.000	248.520.000	
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm	183.415.301	0	0	101.557.377	284.972.678	0	0	0	0	
+ Lãi Ủy thác đầu tư (1)	828.400.000	828.400.000	248.520.000	102.600.000	0	931.000.000	931.000.000	248.520.000	248.520.000	
- Phải thu tiền của cán bộ nhân viên	995.268.654	995.268.654	683.590.774	0	35.720.000	959.548.654	959.548.654	959.548.654	683.590.774	
- Các khoản phải thu khác	2.639.674.854	2.414.115.506	2.410.369.940	530.137.218	255.654.037	2.914.158.035	2.573.225.017	2.414.115.506	2.410.369.940	
Tổng cộng:	11.841.539.323	10.909.304.174	10.014.000.728	1.309.592.595	1.654.684.715	11.496.447.203	11.135.293.685	10.293.704.174	10.014.000.728	

Đơn vị tính: VND

(1) Lãi dự thu của các Hợp đồng hợp tác kinh doanh và Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư. Khoản gốc và lãi của các Hợp đồng này đã quá hạn thanh toán, Công ty đã trích lập dự phòng và ngừng tính lãi đối với các hợp đồng đã quá hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014**04. Tài sản ngắn hạn khác**

- Tạm ứng

Cộng*Số cuối quý*

57.000.000

57.000.000*Số đầu năm*

99.000.000

99.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

05. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác		Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng		
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	1.742.248.674	3.213.088.922	3.963.300.569	1.780.550.811	10.699.188.976	
Số dư cuối quý	1.742.248.674	3.213.088.922	3.963.300.569	1.780.550.811	10.699.188.976	
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.623.741.967	379.081.460	3.522.733.664	1.669.509.562	7.195.066.653	
- Khấu hao trong kỳ	10.356.727	239.382.053	304.091.840	53.333.334	607.163.954	
Số dư cuối quý	1.634.098.694	618.463.513	3.826.825.504	1.722.842.896	7.802.230.607	
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	118.506.707	2.834.007.462	440.566.905	111.041.249	3.504.122.323	
- Tại ngày cuối quý	108.149.980	2.594.625.409	136.475.065	57.707.915	2.896.958.369	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

Địa chỉ: 2D Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014**06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	7.524.301.890	160.000.000	7.684.301.890
Số dư cuối quý	7.524.301.890	160.000.000	7.684.301.890
II. Giá trị hao mòn lũy kế			0
Số dư đầu năm	4.236.406.579	160.000.000	4.396.406.579
- Khấu hao trong kỳ	707.868.347	0	707.868.347
Số dư cuối quý	4.944.274.926	160.000.000	5.104.274.926
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH			0
- Tại ngày đầu năm	3.287.895.311	0	3.287.895.311
- Tại ngày cuối quý	2.580.026.964	0	2.580.026.964

07. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí tập huấn tại Thái Lan
- Chi phí khác

Cộng*Số cuối quý**Số đầu năm*

897.706.664

0

140.764.718

142.463.579

1.038.471.382**142.463.579****08. Tài sản dài hạn khác**

- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- + Đặt cọc sử dụng dịch vụ thẻ Mai Linh
- + Đặt cọc tiền thuê văn phòng
- + Đặt cọc tiền thuê xe ô tô
- + Đặt cọc tham gia mua cổ phần(*)

Cộng*Số cuối quý**Số đầu năm*

2.748.098.000

248.098.000

10.000.000

10.000.000

208.098.000

208.098.000

30.000.000

30.000.000

2.500.000.000

0

2.748.098.000**248.098.000**

(*) Đặt cọc theo hợp đồng số 01/HDCP/KVS/2013 ngày 19/12/2013, thời hạn đặt cọc là 12 tháng.

09. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế thu giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác

Cộng*Số cuối quý**Số đầu năm*

150.000

150.000

17.721.342

12.022.840

16.015.470

16.015.470

33.886.812**28.188.310****10. Chi phí phải trả**

- Phải trả UBCK Nhà nước
- Phải trả phí kiểm toán Báo cáo tài chính
- Phải trả Công ty TNHH Trần
- Phải trả chi phí hoạt động khác

Cộng*Số cuối quý**Số đầu năm*

0

195.000.000

0

160.000.000

85.214.112

85.214.112

17.280.000

17.280.000

102.494.112**457.494.112**

11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ giải quyết
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Phải trả tiền ký cược, đặt cọc
- Các khoản khác

Cộng

<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
35.278.961	35.177.864
8.577.010	8.076.010
83.124.000	83.124.000
396.700.144	397.276.144
523.680.115	523.654.018

12. Vốn chủ sở hữu

12.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	0	0	135.000.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(29.641.257.115)	0	7.576.093.302	(37.217.350.417)
Tổng cộng	105.358.742.885	0	7.576.093.302	97.782.649.583

12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của tổ chức và cá nhân

Cộng

<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
135.000.000.000	135.000.000.000
135.000.000.000	135.000.000.000

12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm

<i>Kỳ này</i>	<i>Năm trước</i>
135.000.000.000	135.000.000.000
0	0
0	0
135.000.000.000	135.000.000.000

12.3 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

13.500.000 13.500.000

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

13.500.000 13.500.000

- Cổ phiếu phổ thông

13.500.000 13.500.000

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

13.500.000 13.500.000

- Cổ phiếu phổ thông

13.500.000 13.500.000

- Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000 10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

13. Doanh thu

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán
- Doanh thu khác
- Trong đó:
 - + Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư
 - + Lãi tiền gửi

Cộng

<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
405.254	4.531.118
1.097.944.502	3.448.252.137
110.040.000	1.918.790.000
987.904.502	1.527.825.672
1.098.349.756	3.452.783.255

14. Chi phí hoạt động kinh doanh

- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán
- Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán
- Chi phí dự phòng
- Chi phí nhân viên trực tiếp
- Chi phí vật tư, đồ dùng
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
16.266.791	8.333.334
478.680	1.621.865
0	475.800.547
61.430.909	286.263.526
4.338.435	4.743.475
792.151.838	761.850.902
159.801.989	358.984.588
0	1.000.002
1.034.468.642	1.898.598.239

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí, lệ phí
- Dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
677.508.382	736.271.073
31.081.035	0
287.735.894	369.476.886
59.893.613	0
4.500.000.000	0
1.683.655.492	1.296.280.944
400.100.000	535.054.894
7.639.974.416	2.937.083.797

16. Thu nhập khác

- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định

Cộng

<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
0	1.500.000
0	1.500.000

17. Chi phí khác

- Các khoản khác

Cộng

<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
0	114.859.174
0	114.859.174

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	37.710.356.840	37.710.356.840
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.793.000.000	49.793.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng	20.220.500	20.220.500
- Phải thu khác	11.476.226.703	1.462.225.975

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số dư ngày 30/06/2014
- Phải trả người bán	114.620.500
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	302.327.867
- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	523.680.115

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	114.620.500		114.620.500
- Phải trả, phải nộp khác	523.680.115		523.680.115
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	302.327.867		302.327.867

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013 đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã chi trả trong kỳ:

Các bên liên quan	Số tiền (VND)
Thù lao Hội đồng Quản Trị	351.450.000
Thù lao Ban kiểm soát	8.640.000
Thù lao Ban Giám đốc	86.532.000

4. Thông tin về các bên liên quan khác phát sinh trong kỳ

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan nào khác.
Tại thời điểm 30/06/2014, không có số dư nào với các bên liên quan.

5. Thông tin hoạt động liên tục

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty đang trong quá trình xin chấm dứt tư cách là thành viên tự nguyện tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội, do đó Công ty không còn các phát sinh các hoạt động kinh doanh và giao dịch với khách hàng ngoài hoạt động thu hồi và thanh toán công nợ với khách hàng, cán bộ công nhân viên và các bên liên quan. Phương hướng hoạt động tiếp tục của Công ty cũng chưa được các cổ đông họp để thống nhất nhưng Hội đồng quản trị Công ty vẫn đang tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước cùng hợp tác để tồn tại và phát triển trong tương lai.

Người lập

Hoàng Phương Thảo

Quyền Kế toán trưởng

HOÀNG PHƯƠNG THẢO

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Phụ trách kinh doanh



TRẦN VIỆT THẮNG